

QUA DI TÍCH VĂN HÓA ÓC EO VÀ THƯ TỊCH CỔ THỦ NHẬN DIỆN NƯỚC PHÙ NAM

PHAN HUY LÊ*

1. Tư liệu thư tịch và khảo cổ học

Tên nước Phù Nam được ghi chép sớm nhất và nhiều nhất trong thư tịch cổ của Trung Hoa. Một số sách như *Thượng thư đại truyện*, *Trúc thư kỷ niên* rồi *Tiền Hán thư* (Q. 44, tr. 6), *Hậu Hán thư* (Q. 116, tr. 3) chép rằng vào đời Chu Thành Vương thứ 6 (1110 TCN), Việt Thường sai sứ dâng chim trĩ trắng và Chu Công chế xe chỉ nam cho sứ giả về nước. Từ đó có sách coi Việt Thường như một nước trên đất nước ta hay ở Lâm Ấp và có sách còn chép sứ giả qua Phù Nam, Lâm Ấp mới về đến nước. Rõ ràng, đây là một truyền thuyết được chép trong nhiều sách và Việt Thường (thường chép là Việt Thường thị) ở đây là một tộc người nào đó ở phía Nam Trung Quốc có quan hệ với nhà Chu (1), hơn nữa thời đó nước Phù Nam, Lâm Ấp cũng chưa ra đời. *Tam quốc chí* do Trần Thọ viết vào cuối thế kỷ III, mới bắt đầu có những ghi chép cụ thể về Phù Nam, khởi đầu với sự kiện vua Phù Nam là Phạm Chiên cử sứ đến triều Ngô triều cống năm 243 (niên hiệu Xích Ô thứ 6) (2).

P. Pelliot là người đầu tiên đã thu thập và trích dịch những tư liệu liên quan đến Phù Nam trong thư tịch cổ của Trung Hoa

từ 22 tác phẩm (3). Hầu hết những nhà nghiên cứu về lịch sử Phù Nam đều sử dụng công trình khảo cứu này nhưng nhiều người không truy tìm lại nguyên bản chữ Hán mà dịch qua bản dịch tiếng Pháp nên khó tránh khỏi những dị biệt. Đây là một nguồn tư liệu chữ viết rất phong phú, nhưng cũng khá phức tạp vì có phần ghi trực tiếp qua các sứ giả, qua quan hệ bang giao, có phần ghi qua những truyền thuyết trong khu vực, những lời kể gián tiếp, những tên đất, tên người lại ghi theo lối phiên âm chữ Hán rất khó xác định. Đó là chưa kể đến phương thức chép sử thời bấy giờ, nhiều đoạn người sau chép lại người trước mà không làm rõ sự biến đổi qua thời gian. Có những tác phẩm chép theo lối ký sự hay tường thuật như *Phù Nam dị vật chí* của Chu Ứng, *Phù Nam ký* (còn có tên là *Phù Nam truyện* hay *Ngô thời ngoại quốc truyện* hay *Ngô thời ngoại quốc ký*) của Khang Thái, là hai sứ giả do Thứ sử Giao Châu Lữ Đại thời Ngô Tôn Quyền cử đi sứ nước Lâm Ấp, Phù Nam thế kỷ III. Hai tác phẩm này được dẫn trong nhiều bộ chính sử Trung Quốc như *Lương thư*, *Tùy thư*, *Cựu Đường thư*, *Tân Đường thư*... nhưng đều thất truyền.

* GS. Đại học Quốc gia Hà Nội

Bên cạnh nguồn tư liệu thư tịch, thế kỷ XX một số học giả Pháp và phương Tây phát hiện và khai thác một số bi ký cổ có liên quan đến Phù Nam, nhưng đều mang niên đại muộn, sớm nhất là thế kỷ V. Đó là bia ở đền Prasat Pram Lovek tại Đồng Tháp Mười có niên đại khoảng đầu thế kỷ V, năm 1928 đã chuyển về Bảo tàng Sài Gòn nay là Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh; bia tìm thấy ở Dambang Dek, tỉnh Takeo (Campuchia) có niên đại nửa sau thế kỷ V; bia Đá Nổi ở gần Ba Thê (An Giang) có niên đại khoảng thế kỷ V nhưng bị vỡ chỉ còn mấy chữ; bia ở đền Ta Prohm, tỉnh Takeo, đã đưa về Bảo tàng Phnôm Pênh, có niên đại khoảng nửa đầu thế kỷ VI; và một số bia Chămpa, Chân Lạp có ít nhiều tư liệu liên quan đến Phù Nam như bia Võ Cảnh ở Nha Trang (Khánh Hòa), bia Mỹ Sơn III ở Mỹ Sơn (Quảng Nam), bia Robang Romeas ở Kompong Thom (Campuchia).

Đặc biệt, từ năm 1944, kết quả khai quật địa điểm Óc Eo do L. Malleret phụ trách đã làm phát lộ nhiều di tích và một khối lượng di vật lớn về văn hóa Óc Eo. Trên cơ sở khai quật khảo cổ học đó kết hợp với những di vật thu thập được và kết quả khảo sát 167 địa điểm miền Đông sông Hậu, ông đã công bố một công trình đồ sộ gồm 4 tập *L'archéologie du delta du Mékong* trong những năm 1959-1963 (4). Sau năm 1975, công việc điều tra và khai quật khảo cổ học văn hóa Óc Eo được các nhà khảo cổ học Việt Nam tiếp tục và thu được nhiều thành quả to lớn. Tư liệu khảo cổ học trở thành một nguồn tư liệu mới giữ vai trò rất chủ yếu trong nghiên cứu về văn hóa Óc Eo và nước Phù Nam (5).

Trên sự kết hợp giữa các nguồn sử liệu thư tịch, bi ký và khảo cổ học, đồng thời tham khảo những công trình khoa học đã

công bố, tôi muốn đưa ra một nhận diện về nước Phù Nam.

2. Phổ hệ các thủ lĩnh/vua Phù Nam

Trước hết qua tư liệu thư tịch của Trung Hoa kết hợp với bi ký cổ, có thể xác lập phổ hệ các vua Phù Nam từ thế kỷ I đến VII.

I. Liễu Diệp (Soma=Mặt Trăng)

Đây là nữ chúa trong truyền thuyết của Phù Nam mà *Tấn thư* (Q. 97, Liệt truyện 67) chép là Diệp Liễu, còn các sách *Nam Tề thư* (Q. 58, Liệt truyện 39), *Lương thư* (Q. 54, Liệt truyện 4), *Thông chí* (Q.198), *Thái Bình hoàn vũ ký* (Q. 176) đều chép là Liễu Diệp. Theo bi ký Phù Nam phát hiện được ở Gò Tháp, trên di tích Prasat Pram Lovek (Tháp Năm Ngọn), tỉnh Đồng Tháp thì dòng dõi vua Phù Nam Liễu Diệp-Kaundinya là Soma-Kaundinya, nên Liễu Diệp có thể là Soma (Mặt Trăng). Đó là một "nữ vương trẻ tuổi, khỏe mạnh" của một nước có "tục khoả thân, xăm mình, xoã tóc" (6). Đó có lẽ là tù trưởng một bộ lạc mẫu hệ.

II. Hồn Điền (Kaundinya)

Các thư tịch Trung Hoa đều chép Hồn Điền, chỉ có *Thông chí* chép là Hồn Hội (7). Đây là một người đến Phù Nam từ một nước ở phía nam và vượt biển bằng thuyền, có thể từ Ấn Độ hay bán đảo Mã Lai mà theo bi ký Phù Nam có thể xác định là Kaundinya. Sau một mũi tên thần xuyên thủng thuyền của nữ vương, Liễu Diệp đã xin hàng và Kaundinya cưới Soma làm vợ, rồi làm vua Phù Nam. Theo nhiều học giả phương Tây, đây là một truyền thuyết có nguồn gốc Ấn Độ với những dị bản khác nhau có thể tìm thấy ở nhiều nước trong khu vực được gọi là "Ấn Độ hóa" như Chămpa, Chân Lạp... (8). Kaundinya được một số nhà khoa học coi là vị vua sáng lập

nước Phù Nam và cũng biểu thị đầu tiên sự thâm nhập của văn hóa Ấn Độ vào Phù Nam. Nhưng tôi vẫn không muốn phủ nhận vị trí của nữ chúa bản địa đầu tiên là Liễu Diệp dù chưa phải là vua đứng đầu một nhà nước đã thành hình. Hơn nữa quá trình hình thành nhà nước đầu tiên trong lịch sử Phù Nam cũng còn nhiều vấn đề cần nghiên cứu sâu sắc hơn.

III. *Hỗn Bàn Huống*

Hỗn Điển phân các con "làm vua (vương) 7 ấp". Sau đó, một người con là Hỗn Bàn Huống dùng kế thôn tính các "ấp", lên làm vua. Hỗn Bàn Huống tiếp tục phân chia các con cai trị các ấp với danh hiệu "Tiểu vương".

IV. *Hỗn Bàn Bàn*

Hỗn Bàn Huống thọ 90 tuổi và lập con thứ là Hỗn Bàn Bàn lên nối ngôi và ủy thác việc nước cho một tướng giỏi là Phạm Man (hay Phạm Sư Man).

V. *Phạm Man*

Hỗn Bàn Bàn làm vua được 3 năm thì mất và "người trong nước đều cử Phạm Man làm vua" (9). Phạm Man tự xưng là "Phù Nam đại vương" và tiến hành nhiều cuộc chinh phục, chiếm được hơn 10 nước, "mở rộng đất đai đến năm sáu nghìn dặm" (10).

VI. *Phạm Kim Sinh*

Trong một cuộc viễn chinh đánh nước Kim Lân, Phạm Man bị bệnh, sai thái tử là Phạm Kim Sinh thay nắm quyền trị nước. Nhưng người con của chị Phạm Man là Phạm Chiên đang nắm quyền chỉ huy 2.000 quân, đã giết Kim Sinh để cướp ngôi. Phạm Kim Sinh được ghi nhận là vua kế nghiệp theo ý của vua cha, nhưng trên thực tế chưa kịp lên ngôi nên cũng có học giả không coi ông là một triều vua trong phổ hệ các vua Phù Nam.

VII. *Phạm Chiên*

Năm 243, trong thời Tam Quốc, Phạm Chiên là vua Phù Nam đầu tiên thông hiếu với Trung Hoa, cử sứ giả đến triều Ngô. Năm 244 theo lệnh vua Ngô, Thứ sử Giao Châu là Lữ Đại cử sứ sang Phù Nam đáp lễ. Phạm Chiên cũng cử sứ giả sang thông hiếu với Ấn Độ. Sứ đoàn do Tô Vật cầm đầu, qua Đâu Câu Lợi (Takola tức eo Kra trên bán đảo Mã Lai), vượt biển đến Ấn Độ, yết kiến vua Vasudeva của vương triều Murunda, đi và về trong gần 5 năm (240-245) (11). Phạm Chiên làm vua trong khoảng 225-250.

VIII. *Phạm Trường*

Năm 250 Phạm Chiên bị một người con của vua Phạm Man là Phạm Trường tập hợp lực lượng, lật đổ và tiếm ngôi vua của Phạm Chiên. Nhưng Phạm Trường chưa kịp lên ngôi thì bị Phạm Tầm là tướng của Phạm Chiên, giết chết và tự lập làm vua. Vì vậy cũng có học giả không ghi Phạm Trường như một triều vua trong phổ hệ các vua Phù Nam.

IX. *Phạm Tầm*

Phạm Tầm làm vua trong khoảng 250-287. Ông tiếp tục thực hiện nhiều cải cách trong nước và mở rộng ảnh hưởng của Phù Nam ra nước ngoài. Từ năm 265 đến 287, Phù Nam và Tây Tấn nhiều lần thông sứ, nhưng từ năm 287 đến 357, trong một thời gian dài sứ biên niên Trung Hoa không ghi chép về Phù Nam.

X. *Thiên Trúc Chiên Đàn (Chandan / Chandran)*

Năm 357, vua Phù Nam là Thiên Trúc Chiên Đàn sai sứ sang Đông Tấn cống voi (12). Thiên Trúc Chiên Đàn là người Ấn Độ, Thiên Trúc là Ấn Độ, Chiên Đàn là phiên âm chữ Chandan hay Chandran.

Chiên Đàn làm vua khoảng sau năm 287 và trước năm 357, và trong khoảng thời gian đó, sử Phù Nam có những biến động gì thì chưa rõ.

XI. *Kiều Trấn Như (Kaundinya II)*

Đây cũng là một người Bà La Môn ở Ấn Độ. Thư tịch Trung Hoa chép rằng, Kiêu Trấn Như được thần linh báo cho biết sẽ được làm vua Phù Nam. Ông bèn qua nước Bàn Bàn và "dân Phù Nam nghe tin rất mừng, cả nước vui vẻ rước về làm vua" (13). Có lẽ lúc đó, Chiên Đàn đã chết. Đây là vị vua thứ hai người Ấn Độ liên tục nắm quyền thống trị ở Phù Nam và dĩ nhiên đã tăng cường ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ trên đất nước này. Kiêu Trấn Như đã "thay đổi pháp chế trong nước theo như quy chế của Thiên Trúc" (14).

XII. *Tri Lê Đà Bạt Ma (Sri Indravarman)*

Sau khi Kiêu Trấn Như chết, con là Tri Lê Đà Bạt Ma nối ngôi, có thể là Sri Indravarman. Vua này đã ba lần sai sứ thông hiếu và cống lễ vật cho vua Tống Văn đế (424-453) vào năm Nguyên Gia thứ 11 (434), thứ 12 (435), thứ 15 (438). Đó chắc chắn là những năm nằm trong thời gian trị vì của vua Tri Lê Đà Bạt Ma (15).

XIII. *Đô Tà Bạt Ma (Jayavarman)*

Thư tịch Trung Hoa chép dưới triều vua Tê Vũ đế (482-493), vua Phù Nam là Đô Tà Bạt Ma sai sứ sang triều cống. Như vậy, ông lên ngôi vào khoảng cuối thế kỷ V, tương ứng đời Tê Vũ đế của Nam Triều ở Trung Hoa và trị vì đến năm 513. Sang triều Lương (502-557), năm Thiên Giám thứ 2 (503) vua Phù Nam lại sai sứ sang cống tượng Phật và lễ vật, được vua Lương phong vinh hiệu "*An Nam tướng quân Phù Nam vương*". Năm Thiên Giám 12 tức năm

513, Đô Tà Bạt Ma chết, con thứ là Lưu Đà Bạt Ma giết anh cả để tự lập làm vua (16).

XIV. *Lưu Đà Bạt Ma (Rudravarman)*

Sau khi lên ngôi, năm Thiên Giám thứ 16 (517), thứ 18 (519), năm Phổ Thống thứ 1 (520), năm Trung Đại Thống thứ 2 (530), năm Đại Đồng thứ 1 (535), thứ 5 (539), Lưu Đà Bạt Ma sai sứ sang triều cống triều Lương (502-557). Đặc biệt vua Phù Nam cống con tê giác sống và nói rằng trong nước có "tóc Phật dài một thước hai trượng" (17). Vua nhà Lương sai sứ Thích Văn Bảo theo sứ giả về nước Phù Nam rước "tóc Phật" về cất giữ ở tháp chùa A Dục Vương. Thời này đạo Phật thịnh hành ở hai nước nên vua nhà Lương hai lần cử sứ đến Phù Nam để rước xá lợi, thỉnh tìm kinh Phật và mời sư tăng nổi tiếng thăm viếng Trung Hoa. Một Thiên sư Ấn Độ là Paramatha đang hành đạo ở Phù Nam năm 546 được cử đem kinh và viếng thăm kinh đô nhà Lương.

Lưu Đà Bạt Ma / Rudravarman là vua Phù Nam cuối cùng được thư tịch Trung Hoa ghi chép. Sang đời Tùy (589-618), Phù Nam có sai sứ đến Trường An và đầu đời Đường (618-907), năm Vũ Đức (618-627), Trinh Quán (627-650) vẫn còn sai sứ sang cống nhưng không chép rõ tên vua Phù Nam (18). Trong lúc đó thì những nước như Xích Thổ là "một chi nhánh của Phù Nam", Chân Lạp là "một thuộc quốc của Phù Nam" lại bắt đầu thông hiếu với nhà Tùy, nhà Đường (19). Như vậy, vào khoảng cuối thế kỷ VI sang đầu thế kỷ VII, nước Phù Nam suy yếu và diệt vong.

Qua các nguồn tư liệu, chủ yếu là tư liệu thư tịch cổ của Trung Hoa kết hợp với bi ký Phù Nam, chúng ta có thể dựng lên một phổ hệ các thủ lĩnh/vua Phù Nam từ thế kỷ I đến đầu thế kỷ VII gồm 14 đời vua. So với

phổ hệ của các tác giả khác, có thể có sự khác biệt nhất định do quan niệm, ví dụ Liễu Diệp còn mang tính cách thủ lĩnh hay một vài người chưa kịp lên ngôi vua đã bị giết hại như trường hợp Phạm Kim Sinh, có học giả không coi là một đời vua. Tôi muốn ghi lại tất cả những nhân vật đã từng được thư tịch coi là thủ lĩnh/vua kể cả những người chỉ mới được truyền ngôi, vào phổ hệ để tiện cho việc xem xét, nghiên cứu và xác minh. Trong phổ hệ trên, những thế hệ ban đầu như Liễu Diệp, Hồn Điền, Hồn Bàn Huống, Hồn Bàn Bàn vào thế kỷ I, II đến đầu thế kỷ III, có thể thuộc giai đoạn chuyển từ vai trò thủ lĩnh lên một nhà nước sơ kỳ của Phù Nam. Cũng như một số nước khác ở Đông Nam Á, "bảy ấp" hay "tiểu vương" có thể là thủ lĩnh từng vùng còn mang tính chất tiền nhà nước và đang trên đường phát triển thành nhà nước. Đó là nhóm các "tiểu quốc", "tiểu vương" trong quá trình hình thành nhà nước. Sau một thời gian xây dựng và củng cố nhà nước, ổn định các mặt, thế kỷ III các vua Phạm Man, Phạm Chiên, Phạm Tầm đã tiến hành nhiều cuộc chinh phạt nhằm mở rộng lãnh thổ của Phù Nam. Trên cơ sở đó, Phù Nam tiếp tục phát triển mạnh mẽ về kinh tế và văn hóa, mở ra giai đoạn phồn vinh của Phù Nam. Giai đoạn suy vi bắt đầu từ cuối thế kỷ VI dẫn đến sự diệt vong vào đầu thế kỷ VII.

3. Vương quốc và đế chế

Trong nghiên cứu Phù Nam, một vấn đề gây bàn luận kéo dài là phạm vi lãnh thổ của Phù Nam liên quan đến *quan niệm về nước Phù Nam*.

Phần lớn các học giả trong và ngoài nước đều coi Phù Nam là một nước với phạm vi lãnh thổ xác định rất khác nhau. Có thể nêu lên một số ví dụ tiêu biểu.

E. Aymonier cho rằng Phù Nam là một từ gốc Khmer, là Pnôm Pênh và lãnh thổ Fu Nan (Phù Nam) bao gồm Tchenla (Chân Lạp) mở rộng ra cả Việt Nam, Thái Lan và vùng chung quanh (20).

Paul Pelliot sau khi trích dịch và chú giải kỹ các tư liệu thư tịch Trung Hoa kết hợp với các bi ký cổ, phê phán luận điểm của E. Aymonier đồng nhất Fou Nan (Phù Nam) với Tchenla (Chân Lạp). Ông phân biệt rõ ràng Phù Nam và Chân Lạp là hai nước thuộc hai thời kỳ lịch sử khác nhau, chính Chân Lạp là một thuộc quốc của Phù Nam, đã xâm chiếm Phù Nam. Ông cho rằng có sự khác biệt về địa bàn cư trú và cư dân, ngôn ngữ giữa Phù Nam và Chân Lạp. Chân Lạp ở phía Bắc và Phù Nam ở phía Nam trên hạ lưu sông Mékong (21).

G. Coedès cũng cho rằng Founan là phiên âm theo phát âm đời Đường từ *b'iu-nâm* của tiếng Khmer cổ là *bnam*, nay là *phnom* có nghĩa là núi, vua Founan là "vua núi" theo tiếng sanskrit là *parvatabhópala* hay *çailarāja* và tiếng Khmer là *kurung bnam*. Ông cho rằng trung tâm của Phù Nam là hạ lưu sông Mékong, nhưng lãnh thổ bao gồm cả Nam Trung Bộ, trung lưu sông Mékong và phần lớn lưu vực sông Ménam, bán đảo Mã Lai (22).

Bernard Philippe Groslier cho rằng trung tâm của Phù Nam là vùng đất giữa Bassac và vịnh Thái Lan và có thể bao gồm cả miền Nam Cambodge, sau đó mở rộng ảnh hưởng, thiết lập nền thống trị trên toàn bộ vùng ven biển vịnh Thái Lan, có thể cả miền Nam Miến Điện (23).

D. G. E. Hall cho rằng vùng định cư ban đầu của vương quốc Phù Nam nằm dọc theo sông Mékong từ Châu Đốc đến Phnôm Pênh và sau phát triển thành một đại cường quốc đầu tiên của lịch sử Đông Nam Á (24).

David P. Chandler quan niệm trung tâm của Phù Nam ở vào phía Nam và Đông của Phnôm Pênh hiện nay (25).

Sự khác biệt có nhiều nguyên do, có thể do việc thu thập và xử lý thông tin, nhưng đối với một số học giả còn do quan niệm về nước Phù Nam trong quá trình lịch sử của vương quốc này. Ở đây tôi không đi vào nguồn gốc tên Phù Nam đã có quá nhiều người phát biểu và còn phải dày công nghiên cứu. Điều tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh là không có một nước Phù Nam với tính chất và phạm vi lãnh thổ không thay đổi trong quá trình tồn tại và phát triển kéo dài khoảng 7 thế kỷ của nó.

Khi mới hình thành Nhà nước sơ khai với truyền thuyết về quan hệ hôn nhân của Liễu Diệp-Hỗn Điền thì Phù Nam là một cộng đồng cư dân ven biển mà Hỗn Điền dùng thuyền vượt biển đến và cuộc tiếp xúc cũng diễn ra vùng ven biển, chắc thuộc hạ lưu sông Mékong (Cửu Long). Hỗn Điền lên làm vua Phù Nam, cùng Liễu Diệp sinh 7 con "chia nước làm 7 ấp, cho các con cai trị" (*Lương thư*) hay "sinh con rồi chia làm vua của 7 ấp" (*Nam sử*). Sau đó một người con là Hỗn Bàn Huống dùng kế ly gián để các ấp nghi ngờ đánh lẫn nhau và cuối cùng thôn tính tất cả. Hỗn Bàn Huống lại cho con cháu mình cai trị các ấp gọi là "Tiểu vương". Như vậy trong hai đời vua Hỗn Điền và Hỗn Bàn Huống, Phù Nam là một nhóm gồm một số tiểu quốc, vừa có vua đứng đầu Phù Nam, vừa có Tiểu vương cai trị các tiểu quốc mà vua/vương ở đây còn mang nặng tính thủ lĩnh. Đây là mô hình Nhà nước sơ khai thường thấy trong lịch sử cổ đại nhiều nước ở Đông Nam Á và một số khu vực trên thế giới.

Trong đời vua thứ 4 là Hỗn Bàn Bàn, "chính sự trong nước giao cho Đại tướng

Phạm Man trông coi" (*Nam sử*). Có thể coi đây là bước củng cố và tăng cường sức mạnh của Nhà nước trung ương, xây dựng một vương quốc thống nhất, dĩ nhiên hiểu theo nghĩa tương đối. Vương quốc Phù Nam trong thời gian này có lẽ chủ yếu vẫn trong phạm vi hạ lưu sông Mékong. Sách *Lương thư* miêu tả nước Phù Nam như sau: "Nước Phù Nam ở phía Nam quận Nhật Nam, trong một vịnh lớn phía Tây biển, cách Nhật Nam khoảng 7.000 dặm, cách Lâm Ấp về phía Tây Nam hơn 3.000 dặm. Thành cách biển 500 dặm, có sông lớn, rộng 10 dặm, chảy theo hướng Tây Bắc sang Đông, đổ ra biển. Nước ấy rộng hơn 3000 dặm, đất thấp và bằng phẳng" (26). Theo miêu tả trên, lãnh thổ hay ít ra địa bàn trung tâm của nước Phù Nam nằm gần biển, ở vùng hạ lưu sông Mékong (Cửu Long).

Sau khi Hỗn Bàn Bàn chết, Phạm Man được người trong nước cử làm vua. Từ đời vua Phạm Man khoảng đầu thế kỷ III, vua Phù Nam bắt đầu mở rộng chinh chiến, đánh chiếm nhiều nước, bắt họ thần phục và Phạm Man tự xưng là Phù Nam Đại vương. Lúc đầu nhà vua đánh các nước láng giềng rồi sau "đóng thuyền lớn, kéo quân đi đánh khắp vùng biển rộng lớn", "thu được các xứ như Đô Côn, Cửu Trí, Điển Tôn, cả thảy hơn 10 nước, chiếm đất đai đến năm, sáu nghìn dặm vuông" (*Lương thư*). Chính Phạm Man bị bệnh trong lúc đang đánh nước Kim Lân. Vua Phù Nam này được đánh giá là nhà quân sự "dũng mãnh và có mưu lược" (*Nam sử, Lương sử*). Quân đội gồm quân bộ và quân thủy khá đông và thiện chiến, riêng người cháu con chị gái là tướng Phạm Chiên đã nắm quyền chỉ huy 2.000 quân. Đến đây, Phù Nam không còn là một vương quốc nữa mà đã phát triển thành một đế chế lớn mạnh đầu tiên ở vùng Đông Nam Á. Tôi

muốn dùng chữ đế chế (Empire) thời cổ đại-trung đại để phân biệt với từ đế quốc thời cận đại - hiện đại dựa trên cơ sở kinh tế xã hội và thuộc hai loại hình rất khác nhau.

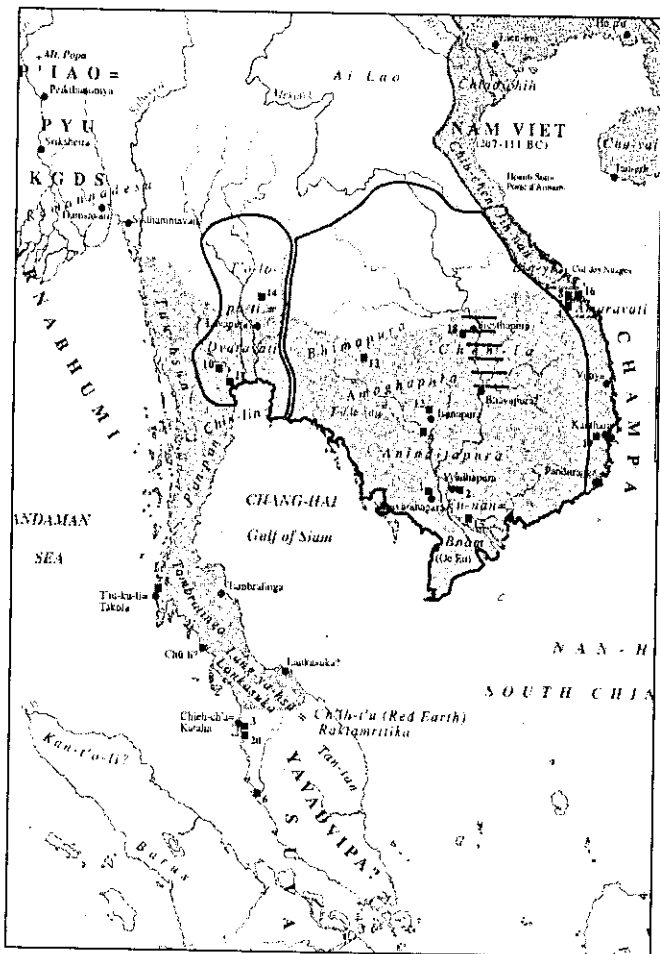
Trong đế chế Phù Nam, thư tịch Trung Hoa gọi các nước bị thôn tính là "thuộc quốc" hay "nước ki mi" hay "chi nhánh". Hiện nay, chúng ta hầu như chưa có tư liệu để hiểu về tổ chức quản lý của đế chế Phù Nam, nhưng qua các từ "thuộc quốc", "ki mi", "chi nhánh" thì có thể nghĩ đến một đế chế bao gồm những nước bị chinh phục hay thần phục ở mức độ lệ thuộc và ràng buộc khác nhau với nước tôn chủ. Phân biệt nước hay vương quốc Phù Nam với đế chế Phù Nam trong lịch sử Phù Nam là rất quan trọng khi xem xét về phạm vi lãnh thổ cũng như quá trình lịch sử và địa bàn trung tâm của văn hoá Óc Eo cùng mức độ ảnh hưởng, lan toả của nền văn hóa này.

Từ thế kỷ III đến đầu thế kỷ VI, nhất là dưới các đời vua Phạm Chiên, Phạm Tâm, Thiên Trúc Chiên Đàn (Chandra), Kiều Trấn Như (Kaundinya II), Trì Đế Đà Đạt Ma (Sri Indravarman), Bồ Đà Bạt Ma (Jayavarman), các vua Phù Nam lo tiến hành nhiều cải cách, "tu sửa pháp độ", "thay đổi pháp độ trong nước theo quy chế nước Thiên Trúc" tức theo mô hình Ấn Độ, phát triển kinh tế, mở mang văn hoá, đồng thời thiết lập quan hệ bang giao với các nước, nhất là với Trung Hoa, Ấn Độ... Vua Thiên Trúc Chiên Đàn và Kiều Trấn Như

là hai vua người Ấn Độ dòng Bà La Môn. Phù Nam tiếp tục phát triển và tồn tại như một đế chế mạnh trong khu vực. Vua Bồ Đà Bạt Ma được Hoàng đế Trung Hoa phong làm *An Nam tướng quân Phù Nam vương*.

Trong thời thịnh đạt, phạm vi của đế chế Phù Nam mở rộng trên một địa bàn to lớn của vùng Đông Nam Á lục địa, bao gồm vùng hạ lưu và trung lưu sông Mékong, kéo sang vùng hạ lưu và có thể một phần trung lưu sông Mênam và xuống đến bán đảo Mã Lai (27). Theo thư tịch cổ Trung Quốc, đế chế Phù Nam gồm đến hơn 10 nước, trong

Bản đồ 1: Đế chế Phù Nam



Nguồn: Jan M. Pluvier, *Historical Atlas of South-East Asia*, Nxb. E.J.Brill, Leiden-New York-Holn, 1995

đó có ghi tên một số nước: Đốn Tốn (hay Điển Tôn), Khuất Đô Côn, Cửu Trĩ (có lẽ cũng là Câu Lợi hay Đâu Câu Lợi tức Takola/Takkola), Điển Tôn, Kim Lân... Chưa rõ vào thời điểm cụ thể nào, có thể vào đời Tùy (589-618), hai nước Xích Thổ, Chân Lạp cũng trở thành thuộc quốc của Phù Nam. Xác định cụ thể địa giới của từng nước còn là vấn đề đang đặt ra trong nghiên cứu và thảo luận. Có thể tham khảo bản đồ đế chế Phù Nam trong *Atlas lịch sử Đông Nam Á* của Jan M. Pluvier (Bản đồ 1) (28).

Trong đế chế rộng lớn đó, cơ sở và trung tâm là vương quốc Phù Nam nằm trên đất hạ lưu sông Mêkong, chủ yếu là Nam Bộ có lan rộng một phần lên phía Bắc. Kinh đô của Phù Nam theo thư tịch Trung Quốc là thành Đặc Mục (*Tân Đường thư*, Q. 222). Tên thành và vị trí của thành Đặc Mục là một vấn đề bàn luận lâu nay. Có người xác định là Ba Phnom, có người cho là Angkor Borei. Theo tôi, Angkor Borei có nhiều căn cứ là kinh đô của Phù Nam hơn, nhưng đó là kinh đô theo ghi chép của *Tân Đường thư* tức vào thời kỳ cuối và trong lịch sử Phù Nam, kinh đô có thay đổi vị trí không, hay nói cách khác trước Đặc Mục, Phù Nam còn có kinh đô nào khác không? Điều chắc chắn là đô thị-cảng Óc Eo luôn luôn giữ vai trò trung tâm kinh tế văn hoá quan trọng và là trung tâm mậu dịch quốc tế lớn nhất của Phù Nam.

4. Văn hoá Óc Eo-Phù Nam và bước đường thịnh suy

Về văn hoá Óc Eo và văn hoá Phù Nam cũng là vấn đề cần làm sáng tỏ. Có nhiều học giả đồng nhất văn hoá Óc Eo với văn hoá Phù Nam, không phân biệt phạm vi vương quốc và đế chế Phù Nam, cho rằng văn hoá Óc Eo là văn hoá của Phù Nam nói chung.

Những kết quả khai quật khảo cổ học từ năm 1944 đến nay cho thấy văn hoá Óc Eo phân bố trên phạm vi rộng lớn thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long tức hạ lưu sông Mêkong. Nhiều di tích kiến trúc, cảng thị, mộ táng cùng một khối lượng di vật cực kỳ đồ sộ cho phép thấy rõ trình độ phát triển cao và những đặc điểm của nền văn hoá này. Nhưng cho đến nay, giới khảo cổ học cũng đang đứng trước nhiều vấn đề tranh luận và nghiên cứu. Theo kết quả xác định niên đại bằng phương pháp C14 thì những di tích văn hoá Óc Eo tồn tại từ thế kỷ I cho đến thế kỷ IX trong lúc thời gian tồn tại của Phù Nam từ thế kỷ I đến thế kỷ VII. Vậy khái niệm văn hoá Óc Eo được sử dụng như là văn hoá của Phù Nam chỉ tính đến thế kỷ VII và thời sau đó không thuộc phạm trù văn hoá Óc Eo. Rồi văn hoá Óc Eo bắt nguồn từ những văn hoá nào hay nói cách khác là các văn hoá tiền Óc Eo cũng đang được giới khảo cổ học đặt ra (29). Đó là mối quan hệ giữa văn hoá tiền Óc Eo, Óc Eo và hậu Óc Eo. Đứng về phương diện sử học, tôi chỉ muốn nêu lên mối quan hệ giữa văn hoá Óc Eo trong thời kỳ Phù Nam đã được phát hiện với nước Phù Nam trong quá trình lịch sử của nó.

Phù Nam từ một vương quốc thế kỷ I - III đã phát triển thành một đế chế lớn ở Đông Nam Á với phạm vi lan rộng ra rất nhiều so với địa bàn trung tâm của vương quốc Phù Nam và so với địa bàn phân bố của văn hoá Óc Eo. Vì vậy, nên coi văn hoá Óc Eo là văn hoá của vương quốc hay quốc gia Phù Nam, chứ không nên hiểu là văn hoá Phù Nam khi đã trở thành đế chế, nghĩa là văn hoá của toàn bộ đế chế Phù Nam. Tất nhiên là dưới sự chi phối của Phù Nam, các thuộc quốc của đế chế cũng tiếp nhận những ảnh hưởng và du nhập một số sản phẩm của nước tôn chủ, nghĩa là cũng

Bản đồ 2: Bản đồ phân bố các di tích văn hoá Óc Eo trên đất Nam Bộ



Về văn hóa Óc Eo, riêng L. Malleret đã công bố những con số thống kê thật đáng kinh ngạc: 1.311 hiện vật bằng vàng nặng 1.120 grs, 1.062 hạt ngọc và đá quý, trong đó có 779 hiện vật lấy từ khai quật khảo cổ học và 9.283 thu trong dân. Ngoài ra số hiện vật bằng đồng, sắt, thiếc, gỗ, đá lên đến hàng ngàn, số hiện vật gồm với rất nhiều chủng loại phải kể đến hàng vạn. Đặc biệt trong số hiện vật thu thập được có những hiện vật mang nguồn gốc nước ngoài từ Roma (huy chương Hoàng đế Antonius: 138-161, Aurelius: 161-180), Ba Tư (đền đồng), Trung Quốc (gương đồng Hậu Hán) cùng 45 hiện vật có khắc chữ nước ngoài như chữ Hán, Latinh, Brahmi/Sanskrit, Mã Lai cổ... Những kết quả khai quật của các nhà

mang những yếu tố của văn hóa Phù Nam tức văn hóa Óc Eo. Các nhà khảo cổ học quốc tế cũng đã phát hiện một số di vật Óc Eo hay chịu ảnh hưởng văn hoá Óc Eo tại một số địa điểm trong phạm vi đế chế Phù Nam như ở Pong Tuk, U Thong vùng hạ lưu sông Ménam, vùng Chumpon gần eo Kra trên bán đảo Mã Lai... và coi đó là những yếu tố của văn hóa Phù Nam/văn hóa Óc Eo.

khảo cổ học Việt Nam sau 1975 càng làm phong phú thêm di sản văn hoá Óc Eo (30). Những tư liệu khảo cổ học này kết hợp với tư liệu thư tịch và bi ký cho thấy rõ trình độ phát triển cao và những nét đặc trưng của văn hoá Óc Eo.

Nhiều học giả nước ngoài mà khởi đầu từ G. Coedès coi Phù Nam là nước "Ấn Độ hóa" đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á. Đây

là một khái niệm được hiểu theo nhiều nội hàm khác nhau và đã từng gây tranh cãi trong giới khoa học nước ta và giới Đông phương học. Nếu hiểu "Ấn Độ hóa" là "thực dân hóa", là sự du nhập và áp đặt theo lối đồng hoá của văn hóa bên ngoài thì hoàn toàn không phù hợp với thực tế lịch sử. Nhưng trong phạm vi ảnh hưởng của một trung tâm văn minh lớn, những nước xung quanh tiếp nhận ở những mức độ khác nhau và theo những phương thức khác nhau ảnh hưởng của nền văn minh đó, thì lại là vấn đề rất có ý nghĩa khi nghiên cứu và lý giải các nền văn hóa/văn minh. Văn hoá Óc Eo chứng tỏ Phù Nam đã có quan hệ giao lưu rộng rãi với thế giới Đông Á, Nam Á và cả Tây Á, La Mã, trong đó ảnh hưởng văn hoá Ấn Độ sâu đậm nhất. Trong phổ hệ vua Phù Nam, ngoài Hồn Điền trong thời hình thành Nhà nước sơ khai, còn có hai vua người Ấn Độ theo Bà La Môn là Thiên Trúc Chiên Đàn và Kiều Trấn Như. Đạo Bà La Môn, Hindu, Phật giáo đã giữ vai trò chi phối trong đời sống tinh thần và tâm linh của cư dân Phù Nam. Thiết chế chính trị cũng cải cách theo mô hình Ấn Độ.

Văn hoá Phù Nam nổi bật lên tính cách của một nền văn hóa biển và văn hóa thương mại. Nông nghiệp trồng lúa nước vùng đầm lầy giữ vai trò cung cấp lương thực cho cộng đồng cư dân, vùng núi phía Đông Bắc cung cấp lâm thổ sản, nhưng Phù Nam trở nên giàu mạnh là từ kinh tế biển và thương mại.

Từ đầu Công nguyên đến thế kỷ V, con đường mậu dịch trên biển nối liền Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương men theo ven biển từ Trung Hoa qua ven biển Champa, Phù Nam, bán đảo Mã Lai rồi chuyển bộ qua eo Kra gọi là Takola và tiếp tục con đường ven biển qua các nước Nam Á đến Tây Á và từ đó nối với thế giới Địa Trung

Hải. Phù Nam nằm trên vị trí cực kỳ thuận lợi của hải trình Đông - Tây này. Đế chế Phù Nam lại khống chế và kiểm soát toàn bộ con đường buôn bán ven biển qua bán đảo Mã Lai, bao gồm lưu vực sông Mékong, sông Ménam và bán đảo Mã Lai. Đô thị cảng Ba Thê - Óc Eo sớm trở thành trung tâm mậu dịch quốc tế của Phù Nam và cả vùng Đông Nam Á lục địa. Trung tâm này không những là nơi giao dịch, mua bán giữa Phù Nam với nước ngoài mà còn là địa điểm dừng chân để lấy nước và mua sắm lương thực, thực phẩm của các con thuyền trên hải trình thương mại quốc tế.

Xác định thành phần nhân chủng của cư dân Phù Nam còn là vấn đề khoa học đang đặt ra và các cứ liệu về cổ nhân học cho đến nay chưa cho phép đưa ra kết luận rõ ràng. Trước năm 1945, M. Malleret đã tìm thấy ở Trăm Phố (nay là Cảnh Đền, Kiên Giang) trong di tích văn hóa Óc Eo, di cốt của 7 cá thể. Theo kết quả nghiên cứu của H. Vallois và do Genet Varcin công bố, thì trong số đó có 2 hộp sọ còn nguyên vẹn là sọ người Indonésien. Từ sau năm 1975, các nhà khảo cổ học và cổ nhân học Việt Nam đã phát hiện khá nhiều di cốt người và hộp sọ tại Cảnh Đền (Kiên Giang), An Sơn (Long An), Mộc Hóa (Long An), Lộ Giang (Long An), Gò Ô Chùa (Long An), Nhơn Nghĩa (Cần Thơ), Nhơn Thành (Cần Thơ), Gò Me (Đồng Nai), Giồng Phệt (Thành phố Hồ Chí Minh), Giồng Cá Vồ (Thành phố Hồ Chí Minh), Gò Cây Tung (An Giang). Tuy nhiên trong số hàng trăm ngôi mộ và di cốt đó, chỉ có một số ít hộp sọ nguyên vẹn có thể đo đạc được kích thước và chỉ số sọ cổ. Trên cơ sở những số liệu đo đạc về những hộp sọ tìm thấy trong các di tích Óc Eo ở Nam Bộ thì chưa thấy yếu tố Vedoid cổ (31). Kết quả nghiên cứu cổ nhân học kết hợp với những miêu tả trong thư tịch cổ thì

chủ nhân chủ yếu của nền văn hóa này là người Indonésien hay cư dân thuộc các nhóm tộc người thuộc ngôn ngữ Nam Đảo (Malayo-Polinésien) cũng như cư dân Champa. Vào thời cổ đại, người Nam Đảo sống trên vùng ven biển và hải đảo Đông Nam Á vốn quen sông nước và thành thạo nghề đi biển. Cư dân vùng ven biển của Phù Nam có thể là thuộc nhóm tộc người Nam Đảo. Nhưng cần lưu ý, cộng đồng cư dân nước Phù Nam cũng như các quốc gia Đông Nam Á đều mang tính đa tộc người, do đó ngoài các tộc người nói tiếng Nam Đảo chủ yếu sống ở vùng ven biển, hải đảo, còn những nhóm tộc người khác mà khoa học cần tiếp tục khám phá. Phía Bắc vương quốc Phù Nam, ít nhất từ thời Tùy đã có thuộc quốc Chân Lạp mà cư dân thuộc ngôn ngữ Môn-Khmer. Nằm trên vùng giáp ranh giữa hai ngôn ngữ Môn-Khmer và Nam Đảo, rất có thể trên địa bàn của vương quốc Phù Nam đã có những nhóm cư dân Môn-Khmer cổ sinh sống và có sự cư trú xen kẽ giữa các nhóm tộc người thuộc hai ngữ hệ trên. Tất nhiên, đây chỉ là một hướng nghiên cứu, chưa phải là kết luận khoa học.

Vị trí địa lý trong bối cảnh giao thương khu vực trong những thế kỷ đầu Công nguyên cùng với năng lực của cộng đồng cư dân thành thạo sông nước đã một thời đưa Phù Nam lên địa vị một nước rồi một đế chế cường thịnh của Đông Nam Á.

Từ cuối thế kỷ VI, Phù Nam suy yếu dần và bị Chân Lạp là một thuộc quốc tấn công rồi xâm chiếm. Sau khi rút về phía Nam, giữ thành Na Phát Na (Naravaranağara, có thể là vùng đô thị - cảng Ba Thê - Óc Eo) (32) và cầm cự một thời gian, đến đầu thế kỷ VII thì chấm dứt sự tồn tại của Phù Nam với tư cách một quốc gia độc lập, một đế chế hùng mạnh.

Sự suy yếu, sụp đổ của đế chế Phù Nam và sự thất bại cuối cùng của vương quốc Phù Nam chắc hẳn có nhiều nguyên nhân.

Mô hình tổ chức của đế chế Phù Nam tuy còn thiếu tư liệu cụ thể, nhưng chủ yếu dựa trên quan hệ thần phục dưới những hình thức và mức độ khác nhau với nước tôn chủ. Phạm vi đế chế khổng lồ con đường thông thương hàng hải của vùng Đông Nam Á lục địa nên dưới sự chi phối của Phù Nam có nền mậu dịch quốc tế mạnh, các nước thành viên đều được chia lợi trong xuất khẩu các lâm thổ sản và các sản phẩm thủ công cũng như trong nhập khẩu và buôn bán các hàng hóa nước ngoài. Nhưng do quan hệ thần phục lỏng lẻo nên mỗi khi các nước thành viên phát triển và lớn mạnh thì các mâu thuẫn trong nội bộ đế chế sẽ phát sinh và làm suy yếu đế chế. Hơn nữa, vương quốc Phù Nam tuy có hạm đội mạnh trong thời gian chinh phục thành lập đế chế, nhưng trên cơ sở kinh tế thương mại, việc phòng thủ không được chăm lo, thậm chí có lúc mời người nước ngoài vào làm vua. Cơ chế quản lý và vận hành của đế chế Phù Nam mang nặng tính chất liên kết kinh doanh, thương mại, rất linh hoạt nhưng cũng rất lỏng lẻo.

Bối cảnh mậu dịch khu vực từ thế kỷ V cũng có những chuyển biến bất lợi cho vị thế thương mại của Phù Nam. Do sự phát triển của nghề hàng hải và kinh tế các nước trong khu vực Đông Nam Á lục địa và hải đảo, hải trình qua eo biển Kra chuyển dần xuống phía Nam qua eo biển Malacca (Maleka) và Sunda. Từ thế kỷ VI, hải trình này càng ngày càng giữ vai trò chi phối trên con đường biển từ Thái Bình Dương sang Ấn Độ Dương, từ Trung Quốc qua Đông Nam Á sang Ấn Độ. Nền mậu dịch đối ngoại của Phù Nam bị ảnh hưởng nghiêm trọng, làm suy yếu nền kinh tế của vương quốc và cả đế chế nói chung.

Ngoài ra theo một số nhà địa chất học, trong giai đoạn Holocen muộn, có một đợt biển tiến quy mô nhỏ ở vùng đồng bằng Nam Bộ, gọi là biển tiến Holocen IV khoảng từ giữa thế kỷ IV đến giữa thế kỷ XII mà vào giữa thế kỷ VII mức nước cao trung bình là 0,8 m. Nếu đợt biển tiến này được xác nhận với mức nước dâng cao 0,8 m vào giữa thế kỷ VII thì đây cũng là một nhân tố thiên nhiên ảnh hưởng đến sự tồn vong của nước Phù Nam. Tuy nhiên thời

điểm và mức độ biển tiến trên địa hình lúc đó, cần được nghiên cứu và xác định rõ ràng hơn (33).

Vương quốc Phù Nam chấm dứt sự tồn tại vào đầu thế kỷ VII. Nhưng lịch sử Phù Nam cùng với di sản văn hóa Óc Eo trên vùng đồng bằng sông Cửu Long là một dòng chảy góp phần tạo thành của lịch sử, văn hoá Việt Nam mà dòng chủ lưu là văn hóa Đông Sơn - Văn Lang, Âu Lạc.

CHÚ THÍCH

(1). Một số sách của ta cũng chép lại chuyện này như : *Đại Việt sử lược* (Q.1, 1a), *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngoại kỷ Q.1,1a), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Tiền biên, Q. 1, 6a)...

(2). *Tam Quốc chí*, Q. 47, Ngô thư 2.

(3). Một số sách của ta cũng chép lại chuyện này như : *Đại Việt sử lược* (Q.1, 1a), *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, *Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngoại kỷ Q.1,1a), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Tiền biên, Q. 1, 6a)...

(4). L. Malleret, *L'archéologie du delta du Mékong* gồm 4 tập:

Tập I: *L'exploration archéologique et les fouilles d'Óc Eo*, Paris 1959.

Tập II : *La civilisation matérielle d'Óc Eo*, Paris 1960.

Tập III : *La culture du Founan*, Paris 1962.

Tập IV : *Le cisbassac*, Paris 1963.

(5). Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải, *Văn hoá Óc Eo, những khám phá mới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995.

(6). *Nam Tể thư*, Q. 58; *Lương thư*, Q. 54; *Nam sử*, Q. 78.

(7), (16). *Thông chí*, Q. 198.

(8). G. Coedès, *Les États Hindouisés d'Indochine et d'Indonésie*, Paris 1948, tr. 70.

L. Finot, *Les inscriptions de My Son*, BEFEO 1904, tr. 923.

P. Pelliot, *Mémoires sur les coutumes du Cambodge*, BEFEO 1902, tr. 145.

(9), (10). *Lương thư*, Liệt truyện, Q. 48; *Nam sử*, Liệt truyện Q. 68.

(11). Lịch Đạo Nguyên, *Thủy kinh chú*, Nxb. Cổ tịch Thượng Hải, 1990, tr. 749.

(12). *Lương thư* Q. 48 chép vào năm Thăng Bình (357-361) đời Mục Đế; *Nam sử* Q. 68 chép rõ năm Thăng Bình 1 tức năm 357.

(13), (17). *Lương thư*, Q. 54 ; *Nam sử*, Q. 78.

(14). *Lương thư*, Q. 54.

(15). Theo *Lương thư*, Q. 54 và *Nam sử*, Q. 78, *Thông chí*, Q.198 chép là An Nam tướng quân.

(18). *Tùy thư*, Q. 82 ; *Tân Đường thư*, Q. 222 ; *Thái Bình hoàn vũ ký*, Q. 176.

(Xem tiếp trang 39)